

NGHIÊN CỨU KIẾN THỨC VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN
KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ
NĂM 2022-2023

*Nguyễn Bảo Phát, Thái Ngọc Trâm, Lê Thị An, Lê Thanh Hà,
Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Tấn Thọ, Nguyễn Phục Hưng**

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

**Email: nphung@ctump.edu.vn*

Ngày nhận bài: 15/9/2023

Ngày phản biện: 18/12/2023

Ngày duyệt đăng: 25/12/2023

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Kinh tế Việt Nam tuy vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, song, mức tăng trưởng kinh tế chưa được cải thiện, vì vậy phát triển kinh tế nói chung và khởi nghiệp nói riêng là một vấn đề đang được Nhà nước và xã hội quan tâm. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ kiến thức và các yếu tố liên quan đến khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Sử dụng thiết kế mô tả cắt ngang, phỏng vấn 1202 sinh viên đang học các ngành tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ bằng bộ câu hỏi phỏng vấn nhằm đánh giá kiến thức, và các yếu tố liên quan đến ý định khởi nghiệp của sinh viên dựa trên các đặc điểm của đối tượng nghiên cứu. **Kết quả:** Các đặc điểm về giới tính, tuổi, kết quả học tập của sinh viên đều có $p < 0,05$ do đó các đặc điểm này đều ảnh hưởng đến kiến thức chung, sinh viên nữ (623,11), nhóm tuổi từ 18 tuổi đến 23 tuổi (613,18) và kết quả học tập xuất sắc (711,91) chiếm số điểm cao nhất trong các nhóm đặc điểm. Tỷ lệ sinh viên có điểm kiến thức đạt mức tốt (81%). Có đến (94,9%) sinh viên nhận thức được ý tưởng khởi nghiệp phải phù hợp với pháp luật. Phần lớn sinh viên trong độ tuổi từ 18 đến 23 (62,7%) quan tâm và có ý định khởi nghiệp nhiều hơn các độ tuổi còn lại. Sinh viên có kết quả học tập từ khá trở lên có ý định khởi nghiệp chiếm tỷ lệ cao (67,9%). Có sự tương quan thuận và rất yếu giữa điểm kiến thức và ý định khởi nghiệp của sinh viên ($R=0,108, p<0,001$). **Kết luận:** Đa số người có điểm kiến thức càng cao thì ý định khởi nghiệp sẽ càng cao.

Từ khóa: Khởi nghiệp, Ý định khởi nghiệp, Kiến thức khởi nghiệp

ABSTRACT

RESEARCH ON KNOWLEDGE AND FACTORS RELATED TO ENTREPRENEURSHIP OF STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2022-2023

*Nguyen Bao Phat, Thai Ngoc Tram, Le Thi An, Le Thanh Ha,
Nguyen Thi Bich Lien, Vu Tan Tho, Nguyen Phuc Hung**

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Although Vietnam's economy has overcome many difficulties and challenges, its economic growth has not been improved, so economic development in general and entrepreneurship in particular is a matter of concern to the Government and society. **Objectives:** To determine the rate of knowledge and factors related to entrepreneurship of students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. **Materials and methods:** Using cross-sectional descriptive design, interview 1202 students studying majors at Can Tho University of Medicine and Pharmacy with a set of interview questions to assess knowledge and factors related to student's entrepreneurship intention based on the characteristics of the research object. **Results:** The characteristics of gender, age, and academic results of students all have $p < 0.05$, so these characteristics all affect general knowledge, female students (623.11), age group from 18 age to 23

years old (613.18) and excellent academic results (711.91) account for the highest scores among the characteristic groups. The percentage of students with good knowledge scores is 81%. The majority of students between the ages of 18 and 23 (62.7%) are more interested and intend to start a business than other ages. Up to (94.9%) students are aware that startup ideas must comply with the law. The majority of students between the ages of 18 and 23 (62.7%) are more interested and intend to start a business than other ages. Students with good or better academic results have a high rate of intention to start a business (67.9%). There is a positive and very weak correlation between knowledge score and entrepreneurial intention of students participating in the survey ($R= 0.108$, $p<0.001$). **Conclusions:** Most of people have a higher knowledge score, the higher the intention to start a business will be.

Keywords: Entrepreneurship; entrepreneurship intention; entrepreneurship knowledge.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kinh tế Việt Nam đã vượt qua nhiều khó khăn, song, mức tăng trưởng kinh tế chưa được cải thiện. Chính vì thế, khởi nghiệp là một vấn đề đang được Nhà nước và xã hội quan tâm [1]. Để khởi nghiệp, việc xây dựng và hình thành nhận thức về ý định khởi nghiệp đóng vai trò then chốt bởi nó tác động giúp hiện thực hóa ước mơ làm chủ chính mình. Nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam rất chú trọng tinh thần khởi nghiệp và xem đó là cách để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm. Năm 2018, Adil và cộng sự thực hiện nghiên cứu trên 2529 sinh viên ở Oman nhằm nhấn mạnh vai trò của các cơ sở giáo dục cũng như chính phủ trong việc cung cấp kiến thức kinh doanh cho sinh viên về ý định khởi nghiệp [2]. Theo Tracxn, hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam sẽ có tiềm năng tăng trưởng đáng kể nhờ các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, đặc biệt, các công ty thương mại lớn dần có xu hướng đào tạo, hỗ trợ và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp cho các sinh viên, doanh nhân trẻ [3]. Qua đó, cho thấy hoạt động khởi nghiệp của sinh viên các ngành nói chung và khối ngành sức khỏe nói riêng ở Việt Nam dần được chú trọng trong những năm gần đây. Nhận thức được vai trò to lớn của vấn đề trên, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ phát động cuộc thi “Sinh viên CTUMP với ý định khởi nghiệp” năm 2023, cuộc thi giúp sinh viên có đủ tự tin, thôi thúc tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên [4]. Từ thực tế trên, nhằm nâng cao sự hiểu biết cũng như giúp sinh viên có góc nhìn đa chiều và tiệm cận hơn với khởi nghiệp, nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài: “Nghiên cứu kiến thức và các yếu tố liên quan đến khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022-2023”, với mục tiêu: Xác định tỷ lệ kiến thức và các yếu tố liên quan đến khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên đang theo học các ngành tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022-2023.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên đang theo học với các mã ngành đào tạo tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và tự nguyện tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:**

- + Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.
- + Sinh viên trả lời không đầy đủ câu hỏi và không theo một trình tự nhất định của phiếu khảo sát.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- **Cỡ mẫu:** Theo Carpenter Serena, tỷ lệ quan sát/ biến đo lường tối thiểu là 5:1 và tỷ lệ tối ưu là 20:1 [5]. Bộ chỉ số xây dựng được nghiên cứu thử nghiệm có 18 câu hỏi khảo sát sự liên quan của kiến thức lên ý định khởi nghiệp nên số lượng cần lấy là 360 mẫu. Trên thực tế, nhóm thu được 1202 phiếu hợp lệ.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Dựa vào dữ liệu do Trường cung cấp (10409 sinh viên), nhóm lấy mẫu kết hợp chọn mẫu xác suất và không xác suất, bao gồm chọn mẫu phân tầng 1202 sinh viên theo nguyên tắc mẫu tỷ lệ cho 10 ngành học và chọn mẫu thuận tiện theo số lượng mẫu đã tính theo nguyên tắc mẫu tỷ lệ ở mỗi ngành học và thực hiện thu thập số liệu. Khi nguyên tắc mẫu tỷ lệ được sử dụng, cỡ mẫu một tầng được tính toán dựa trên công thức: $m_i = m \cdot (M_i/M)$ trong đó: m_i : Cỡ mẫu cần lấy của tầng I; m : Tổng cỡ mẫu cần lấy của tất cả các tầng; M_i : Số lượng sinh viên của tầng I; M : Tổng số lượng sinh viên của tất cả các tầng.

Theo dữ liệu do Trường cung cấp là 10409 sinh viên thì có các ngành Y (6843), Răng Hàm Mặt (670), Dược (768), Y Học Dự Phòng (466), Y Học Cổ Truyền (632), Kỹ Thuật Xét Nghiệm (443), Điều Dưỡng (272), Y Tế Công Cộng (138), Hộ Sinh (119), Kỹ Thuật Hình Ảnh (58). Khi đó, tính toán cỡ mẫu cần lấy của mỗi tầng theo công thức và số mẫu thu thực tế của nhóm theo tỷ lệ sinh viên trường lần lượt là 759(63,1%), 82(6,8%), 90(7,5%), 71(5,9%), 77(6,4%), 53(4,4%), 34(2,8%), 10(0,8%), 17(1,4%), 9(0,7%).

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Đánh giá kiến thức của sinh viên đối với ý định khởi nghiệp: Khảo sát đánh giá theo bộ câu hỏi với tổng điểm kiến thức chung (18 câu), mỗi câu trả lời đúng tính 1 điểm, được chia thành 3 mức độ [6]: Kiến thức chung tốt: điểm trên 70% tổng điểm (từ 13 điểm trở lên); Kiến thức chung trung bình: điểm dao động từ 50 - 70% tổng điểm (từ 9 đến 12 điểm); Kiến thức chung kém: điểm dưới 50% tổng điểm (dưới 9 điểm).

+ Đánh giá các yếu tố liên quan đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, bao gồm các yếu tố về tuổi, giới tính, ngành học, kết quả học tập, khu vực sinh sống, phụ giúp cha mẹ (việc làm giúp sinh viên trưởng thành và tự lập), tình trạng kinh tế gia đình.

- **Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:** Phiếu khảo sát khi thu thập được kiểm tra, làm sạch và nhập liệu bằng phần mềm Excel 2010. Tập hợp phiếu khảo sát và bảng câu hỏi (gọi chung là bộ câu hỏi khảo sát), sàng lọc để loại các trường hợp ghi nhận không đầy đủ thông tin. Kết quả sàng lọc sẽ được ghi lại cụ thể về số bộ câu hỏi được thực hiện, số bộ câu hỏi đạt và số bộ câu hỏi không đạt. Tập hợp tất cả các bộ câu hỏi khảo sát hợp lệ, tiến hành nhập liệu trên phần mềm SPSS 20.0. Đồng thời, sử dụng kiểm định T-Test để chạy kết quả về sự ảnh hưởng của các yếu tố đến điểm kiến thức chung của sinh viên.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung về sinh viên tham gia nghiên cứu

Bảng 1. Thông tin chung sinh viên khảo sát

Đặc điểm		Tần suất (1202)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	544	45,3
	Nữ	658	54,7
Tuổi	18-23 tuổi	754	62,7
	24-29 tuổi	222	18,5
	30-35 tuổi	156	13,0

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 69/2023

Đặc điểm	Tần suất (1202)	Tỷ lệ (%)	
>35 tuổi	70	5,8	
Ngành học	Y	759	63,1
	Răng hàm mặt	82	6,8
	Dược	90	7,5
	Y học dự phòng	71	5,9
	Y học cổ truyền	77	6,4
	Kỹ thuật xét nghiệm	53	4,4
	Điều dưỡng	34	2,8
	Y tế công cộng	10	0,8
	Hộ sinh	17	1,4
	Kỹ thuật hình ảnh	9	0,7
Kết quả học tập	Xuất sắc	75	6,2
	Giỏi	221	18,4
	Khá	520	43,3
	Trung bình	287	23,9
	Yếu	96	8,0
	Kém	3	0,2
Khu vực sinh sống	Thành thị	433	36,0
	Nông thôn	769	64,0
Phụ giúp cha mẹ	Có	1095	91,1
	Không	107	8,9
Tình trạng kinh tế gia đình	Giàu-khá giả	43	3,6
	Đủ sống	618	51,4
	Khó khăn	541	45,0

Nhận xét: Nữ giới chiếm tỷ lệ là 54,7% cao hơn so với nam giới với 45,3%. Tỷ lệ sinh viên có tuổi từ 18-23 tuổi chiếm 62,7% cao nhất. Đa số sinh viên có kết quả học tập Khá (43,3%). Sinh viên sống ở khu vực Nông thôn chiếm 64,0% cao hơn so với khu vực Thành thị là 36,0%. Đa số gia đình sinh viên có mức thu nhập là Đủ sống chiếm 51,4%.

3.2. Kiến thức chung của sinh viên về Khởi nghiệp

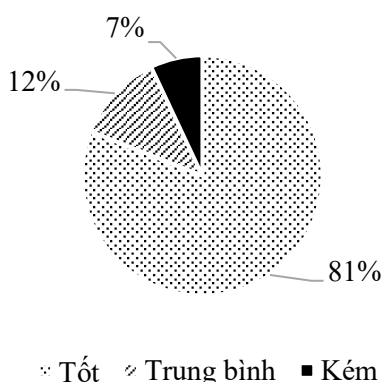
Bảng 2. Kiến thức của sinh viên về Khởi nghiệp

Nội dung kiến thức	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.Khởi nghiệp là quá trình tạo ra giá trị mới cho cộng đồng, xã hội. (Đúng)	1044	86,9
2.Khởi nghiệp là việc bất cứ ai cũng làm được. (Sai)	358	29,8
3.Khởi nghiệp không cần đòi hỏi bất cứ thứ gì, chỉ cần anh/chị thích là có thể làm. (Sai)	788	65,6
4.Anh/chị chỉ cần có những kiến thức được học ở trường là có thể khởi nghiệp. (Sai)	710	59,1
5.Kiến thức, bài học từ các mối quan hệ xã hội những doanh nhân thành đạt trong và ngoài nước là cần thiết cho anh/chị khởi nghiệp. (Đúng)	1107	92,1
6.Kiến thức kinh doanh là cần thiết để anh/chị khởi nghiệp. (Đúng)	1112	92,5
7.Nếu gia đình anh/chị đã hoặc đang có hoạt động kinh doanh, kiến thức nền tảng từ gia đình là cần thiết cho anh/chị khởi nghiệp. (Đúng)	1069	88,9
8. Khởi nghiệp là hoạt động có chủ đích của một cá nhân hoặc một nhóm, thực hiện nhằm tạo, duy trì hoặc tối ưu hóa lợi nhuận bằng việc sản xuất, đề ra ý tưởng mới trong kinh doanh. (Đúng)	1096	91,2

Nội dung kiến thức	Số lượng	Tỷ lệ (%)
9. Khởi nghiệp là tạo dựng một mô hình kinh doanh, đòi hỏi sự sáng tạo và biết chấp nhận rủi ro nhằm khám phá các cơ hội kinh doanh. (Đúng)	1115	92,8
10. Khởi nghiệp là làm bất cứ công việc gì do bản thân sáng tạo hoặc học hỏi để nuôi sống và đem lại lợi ích cho bản thân. (Sai)	206	17,1
11. Hệ sinh thái khởi nghiệp là tổng hợp các mối liên kết chính thức và phi chính thức giữa các chủ thể khởi nghiệp, tổ chức khởi nghiệp, các cơ quan liên quan và tiến trình khởi nghiệp tác động trực tiếp đến môi trường khởi nghiệp tại địa phương. (Đúng)	984	81,9
12. Hệ sinh thái khởi nghiệp là môi trường cơ sở thúc đẩy xây dựng chính sách khởi nghiệp. (Đúng)	998	83,0
13. Các chủ thể khởi nghiệp là những người liên kết và thực thi các mô hình giúp cho các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp kết nối với nhau. (Đúng)	1033	85,9
14. Ý tưởng khởi nghiệp phải phù hợp với pháp luật. (Đúng)	1141	94,9
15. Một công ty/doanh nghiệp phải cần đảm bảo lượng tiền mặt nhằm quyết toán về lương, chi trả các khoảng phí. (Đúng)	1044	86,9
16. Thực hiện tổ chức quản lý chặt chẽ mọi mặt góp phần thúc đẩy công ty/doanh nghiệp phát triển bền vững. (Đúng)	1097	91,3
17. Thực hiện tốt truyền thông, quảng bá sản phẩm góp phần tăng thêm doanh thu cho công ty/doanh nghiệp. (Đúng)	1102	91,7
18. Trước khi khởi nghiệp ở một lĩnh vực cần phải trải qua công việc ở lĩnh vực đó để có kinh nghiệm thực tế. (Sai)	66	5,5

Nhận xét: Đa số sinh viên trả lời đúng câu hỏi “Ý tưởng khởi nghiệp phải phù hợp với pháp luật” và “Kiến thức kinh doanh là cần thiết để khởi nghiệp” chiếm tỷ lệ lần lượt là 94,9% và 92,5%. Phần lớn sinh viên trả lời sai câu “Trước khi khởi nghiệp ở một lĩnh vực cần phải trải qua công việc ở lĩnh vực đó để có kinh nghiệm thực tế” chiếm 5,5%.

Trung bình điểm kiến thức của sinh viên tham gia khảo sát là 13,37 (SD=2,87), trung vị là 14,0. Kết quả phân loại mức điểm kiến thức chung về khởi nghiệp của sinh viên trình bày tại biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Phân loại mức điểm kiến thức của sinh viên về khởi nghiệp

Nhận xét: Phần lớn sinh viên có kiến thức tốt chiếm 80,9%. Có 143 sinh viên có kiến thức trung bình chiếm tỷ lệ 11,9%. Số sinh viên có kiến thức kém là 86 chiếm tỷ lệ thấp nhất (7,2%).

3.3. Sự ảnh hưởng của các yếu tố đến điểm kiến thức chung của sinh viên

Bảng 3. Tổng điểm kiến thức chung theo đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		Trung vị tổng điểm kiến thức (IQR)	Thứ hạng trung bình (Rank)	p
Giới tính	Nam	15 (3)	575,36	0,016
	Nữ	15 (3)	623,11	
Tuổi	18 tuổi đến 23 tuổi	15 (3)	613,18	0,002
	24 tuổi đến 29 tuổi	15 (3)	609,52	
	30 tuổi đến 35 tuổi	15 (3)	601,12	
	Trên 35 tuổi	14 (5,25)	451,11	
Ngành học	Y	15 (3)	599,15	0,249
	Răng hàm mặt	15 (3,25)	606,04	
	Dược	15 (3)	672,94	
	Y học dự phòng	15 (5)	534,43	
	Y học cổ truyền	15 (5)	550,02	
	Xét nghiệm	15 (2,5)	604,90	
	Điều dưỡng	14 (3,5)	617,63	
	Y tế công cộng	8 (3,5)	687,25	
	Hộ sinh	9 (4,5)	642,79	
Kỹ thuật hình ảnh	5 (3)	758,89		
Kết quả học tập	Xuất sắc	15 (2)	711,91	0,001
	Giỏi	15 (3)	641,59	
	Khá	15 (3)	590,97	
	Trung bình	15 (3)	586,34	
	Yếu	15 (2)	539,79	
	kém	0 (0)	138,17	
Khu vực sống	Thành thị	15 (3)	623,79	0,089
	Nông thôn	15 (3)	588,95	
Kinh tế gia đình	Giàu – khá giả	15 (7)	565,01	0,008
	Đủ sống	15 (3)	631,31	
	Khó khăn	15 (3)	570,35	
Phụ giúp cha mẹ	Có	15 (3)	606,85	0,082
	Không	15 (5)	546,76	

Nhận xét: Ta thấy các đặc điểm về giới tính, tuổi, kết quả học tập của sinh viên đều có $p < 0,05$ do đó có sự khác biệt của các đặc điểm này và các đặc điểm này đều ảnh hưởng đến kiến thức chung. Sinh viên nữ (623,11), nhóm tuổi từ 18 tuổi đến 23 tuổi (613,18) và kết quả học tập xuất sắc (711,91) chiếm số điểm cao nhất trong các nhóm đặc điểm.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Về thực trạng kiến thức của sinh viên đối với khởi nghiệp

Nhằm chủ động trang bị nguồn kiến thức cho bản thân, đẩy mạnh phát triển nền kinh tế tự chủ thì nhìn chung kiến thức của sinh viên đối với khởi nghiệp là khá tốt, có đến 81% sinh viên với tổng điểm kiến thức đạt mức tốt và chỉ có 7% sinh viên đạt mức kém. Tỷ lệ tương đương với kết luận trong nghiên cứu năm 2017 của Phan Anh Tú và Trần Quốc Huy

khi số lượng sinh viên Trường Đại học Công nghệ kỹ thuật Cần Thơ tham gia khoá học cung cấp kiến thức khởi nghiệp khá khiêm tốn (12%) nhưng hầu hết đều có mức độ đánh giá rất tốt về kiến thức lẫn kỹ năng trong khởi nghiệp [7].

Trong nghiên cứu số sinh viên cho rằng “Kiến thức kinh doanh là cần thiết để anh/chị khởi nghiệp” (92,5%). Kết luận này đồng nhất với nhận định trong nghiên cứu của Phạm Thế Kiên và cộng sự tại Đại học Huế (2021) chỉ ra hơn 88% sinh viên đồng ý với việc giáo dục kiến thức khởi nghiệp là quan trọng và cần thiết [8]. Mặt khác, có 83% lượng sinh viên trả lời đúng câu “Hệ sinh thái khởi nghiệp là môi trường cơ sở thúc đẩy xây dựng chính sách khởi nghiệp”, tỷ lệ này tương đồng với nghiên cứu của Bùi Thị Thanh Nhân và cộng sự (2019) [9]. Sinh viên nhận định rằng “Ý tưởng khởi nghiệp phải phù hợp với quy định pháp luật” chiếm tỷ lệ cao (94,9%), tỷ lệ phù hợp với nghiên cứu của Võ Phan Như Quỳnh (2019) do đây là kiến thức khá phổ biến nhằm tạo khung pháp lý chung cho các nhà khởi nghiệp [10].

4.2. Yếu tố nhân khẩu học tác động đến kiến thức khởi nghiệp của sinh viên.

Kết quả cho thấy sinh viên có kết quả học tập ($p=0,001$) càng cao thì kiến thức về khởi nghiệp càng cao. Sinh viên có kết quả học tập cao chứng tỏ sinh viên đã nắm vững kiến thức chuyên môn, có hiểu biết về nhiều lĩnh vực khác, mong muốn tự tạo lập cho mình sự nghiệp riêng. Mặt khác, cho thấy sinh viên có tình trạng kinh tế ($p=0,008$) thuộc nhóm gia đình giàu – khá giả ít quan tâm đến kiến thức khởi nghiệp hơn nhóm sinh viên có kinh gia đình đủ sống, khó khăn - đối tượng thường chịu áp lực về mặt kinh tế. Hơn nữa sinh viên thuộc nhóm này đa phần có nhiều trải nghiệm hơn khi làm thêm ngoài giờ học. Bên cạnh đó, yếu tố giới tính ($p=0,016$) chỉ ra nữ sinh có kiến thức khởi nghiệp cao hơn nam sinh. Sự khác biệt này được hình thành do sự khác nhau về nhận thức, góc nhìn đối với xã hội và hoạt động khởi nghiệp, kinh nghiệm kinh doanh, thái độ và khả năng chấp nhận rủi ro của hai giới [11]. Ngoài ra, yếu tố về tuổi ($p=0,002$) cho thấy sinh viên từ 18 tuổi đến 23 tuổi có mong muốn khởi nghiệp cao nhất và mong muốn này giảm khi tuổi của sinh viên tăng. Giải thích cho mối tương quan nghịch giữa tuổi và ý định khởi nghiệp, nhóm nghiên cứu cho rằng điều này liên quan đến tâm lý muốn tập trung cho công việc hiện tại, nhận thức và khả năng chấp nhận rủi ro của sinh viên. Trong khi, người trẻ thấy rằng họ còn nhiều thời gian và cơ hội thì người lớn tuổi lại cho rằng thời gian của họ không còn nhiều và nên hạn chế các lựa chọn trong tương lai. Kết quả trên tương đồng với nghiên cứu của Alexandrina năm 2019, khi nhóm người từ 20-25 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (68,8%), tiếp đến là nhóm người dưới 20 tuổi (25,5%), nhóm tuổi từ 30 trở lên (3,8%) và thấp nhất là nhóm tuổi từ 25-30 (1,9%) [12].

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã đánh giá được thực trạng kiến thức và xác định một số yếu tố liên quan đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Kết quả cho thấy đa số sinh viên có kiến thức tốt về khởi nghiệp. Tuy nhiên, thực trạng kiến thức này có liên quan đến ý định khởi nghiệp của sinh viên hay không thì cần phải được nghiên cứu tiếp. Từ đó có thể đề ra các biện pháp cụ thể, chuyên môn hơn góp phần nâng cao ý định khởi nghiệp và tạo được sự tự tin cho sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ nói riêng và sinh viên Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trung học phổ thông Khương Đình – Bộ Giáo Dục & Đào Tạo. Kế hoạch tổ chức Ngày hội khởi nghiệp quốc gia của học sinh, sinh viên năm 2021. 2021. <http://thptkhuongdinh.edu.vn/tin-tuc-su-kien/ke-hoach-to-chuc-ngay-hoi-khoi-nghiep-quoc-gia-cua-hoc-sinh-sinh-vien-nam-2021/ctmb/2178/9834>.
2. Bakheet, A. H. Relationship between attitudes and intentions for business start-up: a case of Omani university & college students. *Academy of Entrepreneurship Journal*. 2018. 24(2), 1-10.
3. Tracxn. Startup trong lĩnh vực y tế thu hút đến 89% tổng lượng vốn. 2023, <https://sokhcn.tayninh.gov.vn/tin-tuc-su-kien-157/von-dau-tu-vao-he-sinh-thai-khoi-nghiep-cong-nghe-viet-nam-giam-82-2431.html>.
4. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Phát động Cuộc thi Sinh viên CTUMP với ý tưởng khởi nghiệp năm 2023. 2023. http://www.ctump.edu.vn/?tabid=3190&ndid=20771&key=Phat_dong_Cuoc_thi_%E2%80%9CSinh_vien_CTUMP_voi_y_tuong_khoi_nghiep%E2%80%9D_nam_2023.
5. Carpenter, S., Ten Steps in Scale Development and Reporting: A Guide for Researchers. *Communication Methods and Measures*. 2017. 12(1), 25-44, <https://doi.org/10.1080/19312458.2017.1396583>.
6. Mansour O, Al-Kayali R. Community pharmacists' role in controlling bacterial antibiotic resistance in aleppo, syria. *Iranian journal of pharmaceutical research: IJPR*. 2017. 16(4),1612, doi: <https://doi.org/10.22037/ijpr.2017.2135>.
7. Phan Anh Tú & Trần Quốc Huy. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 2017. 48, 96-103, doi: <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2017.634>
8. Phạm Thế Kiên, Nguyễn Thị Hương Giang. Thực trạng năng lực khởi nghiệp sáng tạo và nhận thức về giáo dục khởi nghiệp sáng tạo cho sinh viên Trường Đại học Nông Lâm -đại học Huế. *Tạp chí Giáo dục*. 2021. 493, 44-48.
9. Bùi Thị Thanh Nhân & Hoàng Thị Thuý Hằng. Hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam: Thực trạng và định hướng phát triển. *Tạp chí Công thương*. 2019. 8, 179-183.
10. Võ Phan Như Quỳnh. Pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Đại học Huế. 2019.
11. Badri, R., & Hachicha, N. Entrepreneurship education and its impact on students' intention to start up: A sample case study of students from two Tunisian universities. *The International Journal of Management Education*. 2019. 17(2), 182-190, doi: <https://doi.org/10.1016/j.ijme.2019.02.004>.
12. Alexandrina Maria Pauceanu, Onise Alpenidze, Tudor Edu, & Rodica Milena Zaharia. What Determinants Influence Students to Start Their Own Business? Empirical Evidence from United Arab Emirates Universities. *Sustainability*. 2019. 11, 1-23, doi: <https://doi.org/10.3390/su11010092>.